TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HNGĐ - ST
Ngày 16-4-2018
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đình Mùi
2. Ông Hà Văn Tý.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa : Bà Hà Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2018/TLST - HNGĐ, ngày 26/02/2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX ST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 21/2018/DSST- TB ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N , sinh năm 1971.
Địa chỉ: Thôn B , xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn N1, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Hoàng Văn N1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 tại thôn B, xã C, huyện V nhưng không ra Ủy ban nhân dân đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 1994 xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, ông N1 uống rượu đánh đập, chửi mắng suốt nhiều năm. Tại phiên tòa bà N xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 02 năm 2018 bị đơn ông Hoàng Văn N1 thừa nhận việc ông và bà Nguyễn Thị N chung sống như vợ chồng đúng như bà N đã trình bày. Do trong quá trình chung sống đến năm 1997 bà N đi làm ăn xa, ông N1 không đồng ý. Cả năm bà N về nhà được một lần, mấy hôm lại đi luôn.

Ông đã động viên bà về nhà gần chồng nhưng bà N không nghe. Nay bà N xin ly hôn ông không đồng ý, mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Các con đã lớn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông N1 vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Hoàng Văn N1. Về luạt nội dung căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của bà N: tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn N1 là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.Về án phí dân sự sơ thẩm bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 cho bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn N1 và tại Biên bản tống đạt lập hồi 14 giờ 45 phút ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại gia đình nhà ông N1 có xác nhận của chính quyền địa phương xã C, huyện V ông N1 có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt; bà N vắng mặt lần thứ nhất không có lý do; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 21/2018/DSST- TB ngày 02 tháng 4 năm 2018 hợp lệ. Tại phiên tòa ông Hoàng Văn N1 vắng mặt, bà Nguyễn Thị N không yêu cầu hoãn phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do bị đơn đã có ý kiến xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Hoàng Văn N1.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Hoàng Văn N1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 tại thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã C, huyện V đã xác nhận bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn N1 không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 14 khoản 1 và Điều 53 khoản 2 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc chung sống như vợ chồng giữa Bà N và ông N1 không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Yêu cầu của bà N được Tòa án chấp nhận và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn N1.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Nguyễn Thị N** và ông **Hoàng Văn N1**.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2013/04050 ngày 26/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái, bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Hoàng Văn N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự; UBND xã C;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Minh Hải